

ENG 7 – UNIT 10: ENERGY SOURCES
VOCABULARY TEST 2.2

Choose the correct answer

1. Các thiết bị điện	A. electricity appliances	B. electrical apply	C. electrical appliances
2. Bóng đèn tiết kiệm năng lượng	A. Low energy light bulb	B. High energy light bulb	C. Energy light bulb
3. Giảm	A. reduce	B. recycle	C. reuse
4. Tăng	A. reduce	B. decrease	C. increase
5. Tái chế	A. reduce	B. recycle	C. reuse
6. Tái sử dụng	A. replace	B. renew	C. reuse
7. Làm mới	A. renew	B. reuse	C. reduce
8. Thay thế	A. replace	B. renew	C. reuse
9. Tấm pin NL mặt trời	A. solar energy	B. sun panel	C. solar panel
10. Mái nhà	A. house	B. roof	C. bang

Choose the correct answer

1. advantage	A. tận dụng	B. có lợi	C. bất lợi
2. take advantage of sb/st = make use of	A. tận dụng	B. có lợi	C. bất lợi
3. disadvantage	A. tận dụng	B. có lợi	C. bất lợi
4. limited	A. giới hạn	B. vô hạn	C. có hạn
5. limitless = unlimited	A. giới hạn	B. vô hạn	C. có hạn
6. available	A. có sẵn	B. có lợi	C. cung cấp
7. do a project on	A. dự án	B. làm dự án về	C. làm bài tập
8. run out of	A. chạy khỏi	B. ra ngoài	C. hết, cạn kiệt
9. use up	A. sử dụng hết	B. sử dụng	C. đã sử dụng
10. provide = supply	A. giảm	B. cung cấp	C. quyên góp
11. provide sb with st	A. cung cấp ai	B. đi bằng cái gì	C. cung cấp ai cái gì